

Số: 120/2020/QĐST- DS

Đông Anh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ trụ sở chính: Số xx NQ, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch HĐQT theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 010105xxxx đăng ký lần đầu ngày 01/10/2013.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản. Theo Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật cho các cấp thuộc Ngân hàng TMCP X số 10998/UQ - PVB ngày 02/11/2017 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP X.

Bà Hồ Việt H, chức vụ: Phó giám đốc Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản. Theo Giấy ủy quyền số 3564/UQ - PVB ngày 29/3/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP X.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc – Cán bộ Ngân hàng TMCP X.

- Bị đơn:*
1. Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1973.
 2. Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1975.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng M là: Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Hồng Nc, sinh năm 2005.
2. Cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2008.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của các cháu N và K là bố mẹ đẻ của các cháu: Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1975. Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ x, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP X và ông Nguyễn Hồng M, bà Nguyễn Thúy N đã ký kết và thực hiện các Hợp đồng cho vay số: 2605/2016 ký ngày 26/5/2016; Khế ước nhận nợ số 012065 ký ngày 26/5/2016 và Đơn đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCombank Mastercard chủ thẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 12/11/19xx với nội dung cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: 2605/2016 ký ngày 26/5/2016 và Khế ước nhận nợ số 012065 ký ngày 26/5/2016:

- Số tiền vay là: 690.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày Bên vay rút vốn vay lần đầu tiên.
- Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng.
- Phương thức giải ngân: Giải ngân một lần bằng chuyển khoản cho bên bán.

- Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân là 7,99%/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần kể từ tháng thứ 13.

+ Lãi suất nợ quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn

2. Đơn đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Zbank Mastercard chủ thẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 12/11/19xx: Hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng của ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 17; tờ bản đồ số: 71; địa chỉ thửa đất: Tổ xx, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được cấp “*Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất*” số: BR 54xxxx, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1135.QĐUBND.2014 CH 00017.2014 do UBND huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/5/2014. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2096/2016/HĐTC; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng ANN chứng nhận ngày 27/01/226/5/2016015; Hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất ngày 26/5/2016. Việc thế chấp quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào các Hợp đồng cho vay số: 2605/2016 ký ngày 26/5/2016; Khế ước nhận nợ số 012065 ký ngày 26/5/2016 và Đơn đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Zbank Mastercard chủ thẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 12/11/19xx, Ngân hàng đã cho khách hàng rút vốn vay và sử dụng theo đúng thỏa thuận nhưng khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã đơn độc trả nợ và khởi kiện.

Tính đến hết ngày 01/7/2019, tổng dư nợ của ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N tại Ngân hàng TMCP X là: 1.128.933.521 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi một đồng), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: 2605/2016 ký ngày 26/5/2016 và Khế ước nhận nợ số 012065 ký ngày 26/5/2016:

- Nợ gốc: 626.277.127 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 182.990.011 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 144.351.185 đồng.
- Tổng cộng: 953.618.323 đồng.

2. Đơn đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Zbank Mastercard chủ thẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 12/11/19xx:

- Nợ gốc: 49.500.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 52.522.153 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 71.298.110 đồng.
- Phí thường niên: 1.194.935 đồng.
- Phí phạt vượt hạn mức: 3.800.000 đồng.
- Số tiền đã thanh toán: 3.000.000 đồng
- Tổng cộng: 175.315.198 đồng.

Ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền ông bà còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 01/7/2020 là: 1.128.933.521 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi một đồng). Ông M, bà N phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay số: 2605/2016 ký ngày 26/5/2016; Khế ước nhận nợ số 012065 ký ngày 26/5/2016 và Đơn đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Zbank Mastercard chủ thẻ Nguyễn Thúy N, sinh ngày 12/11/19xx trên số nợ gốc của từng hợp đồng tín dụng kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Thời hạn thanh toán nợ là ngày 01/10/2020.

Nếu sau ngày 01/10/2020 mà ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 17; tờ bản đồ số: 71; địa chỉ thửa đất: Tổ xx, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được cấp “*Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất*” số: BR 54xxxx, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1135.QĐUBND.2014 CH 00017.2014 do UBND huyện ĐA, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/5/2014. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2096/2016/HĐTC; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng ANN chứng nhận ngày 27/01/226/5/2016015; Hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất ngày 26/5/2016 để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông bà tại Ngân hàng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 42.868.005 đồng (Bốn mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm lẻ lăm đồng) nhưng do các

đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 22.934.002$ đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, không trăm lẻ hai đồng) tiền án phí. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đề ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy ông Nguyễn Hồng M và bà Nguyễn Thúy N phải nộp 22.934.002 đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, không trăm lẻ hai đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 22.263.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh